

Đơn vị: Trường Bồi dưỡng Cán bộ
Chương: 048

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13,624,000,000	942,306,631		
I	Nguồn ngân sách trong nước	13,624,000,000	942,306,631		
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	800,000,000	400,000,000		
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	800,000,000	400,000,000		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
	Đề tài: "Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt ở các hợp tác xã nông nghiệp khu vực miền núi phía Bắc"	400,000,000	200,000,000	50%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	<i>Đề tài: "Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động cung ứng và tiêu thụ tập trung trong các hợp tác xã nông nghiệp"</i>	400,000,000	200,000,000	50%	
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4,424,000,000	542,306,631		
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: Chi thực hiện nhiệm vụ	2,224,000,000	542,306,631	0.24	
33	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên HTX	2,200,000,000		0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	8,400,000,000		0	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp: <i>Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.</i>	2,000,000,000		0	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo - Thực hiện xây dựng mô hình giảm nghèo	1,000,000,000		0	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo	500,000,000			
	Chương trình MTQG phát triển ĐBDTTS&MN: dự án 10: <i>Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Tiêu dự án 2; Nhiệm vụ: Tập huấn nâng cao năng lực TMDT cho thành viên HTX và đại diện các hộ SXKD vùng DTTS&MN</i>	2,000,000,000			

	Chương trình MTQG phát triển ĐBDTTS&MN: dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Tiêu dự án 3; Nhiệm vụ: hội nghị tập huấn quán triệt, tuyên truyền, phổ biến "Phát triển kinh tế tập thể HTX vùng ĐBDTTS&MN"	400,000,000			
	Chương trình MTQG phát triển ĐBDTTS&MN: dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Tiêu dự án 2; Nhiệm vụ: Xây dựng mô hình phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phù hợp với vùng, miền...	500,000,000			
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: nội dung 3: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân, cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM: Nhiệm vụ: Tổ chức triển khai đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	500,000,000			
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: nội dung 5: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất....: Nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành vuest HTX nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị cho cán bộ HTX; hỗ trợ phát triển sản xuất, kết nối HTX với doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	1,500,000,000			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày tháng năm



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lần Ngọc Hữu